UBND XÃ THANH TRÌ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CUNG CẤP THÔNG TIN GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Mẫu 01: Giá các mặt hàng nông sản – vật tư nông nghiệp – cây con giống tại các chợ đầu mối Thành phố Hà Nội

Ngày 25 tháng 11 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Chợ Tứ Hiệp – Thanh Trì	Ghi chú
I	**CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN**			
1	Lúa Khang Dân	loại 1	Không có	Giá bán lẻ
2	Gạo Khang Dân	loại 1	14.500	
3	Lúa bắc thơm	loại 1	Không có	
4	Gạo bắc thơm	loại 1	17.000	
5	Gạo J02	loại 1	18.000	
6	Lúa BC15	loại 1	Không có	
7	Gạo BC15	loại 1	16.000	
8	Gạo Điện Biên	loại 1	19.500	
9	Gạo Hải Hậu	loại 1	18.500	
10	Gạo tám Thái	loại 1	20.000	
11	Gạo nếp cái hoa vàng	loại 1	30.000	
12	Gạo nếp cẩm	loại 1	30.000	
13	Lúa nếp 97	loại 1	Không có	
14	Gạo nếp 97	loại 1	25.000	
15	Gạo ST 25	loại 1	28.000	
16	Đậu xanh có vỏ	loại 1	53.000	
17	Lạc nhân	loại 1	58.000	
18	Đậu đen	loại 1	64.000	
19	Ngô hạt	loại 1	11.000	
20	Đậu tương	loại 1	46.000	
II	**CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP**			
1	Đạm	loại 1	17.000	Giá bán lẻ
2	Lân (lâm thao)	loại 1	9.000	
3	Kali (Hà Anh)	loại 1	16.000	
4	NPK 5.10.3 (Lâm Thao)	loại 1	14.000	
III	**GIÁ CÁC MẶT HÀNG CÂY , CON GIỐNG**			
	Lúa giống			
1	Giống lúa thiên ưu 8	loại 1	40.000	Giá bán lẻ
2	Giống lúa khang dân	loại 1	27.000	
4	Giống lúa Bắc Thơm số 7	loại 1	31.000	
5	Giống lúa Bắc Thơm số 7 KBL	loại 1	29.000	
6	TBR 225	loại 1	42.000	
7	Giống lúa ST25	loại 1	56.000	

8	HDT8(vỏ đỏ)	loại 1	35.000	
TT	**Mặt hàng và quy cách**	**Loại**	**Chợ Tứ Hiệp – Thanh Trì**	**Ghi chú**
1	Cây mít	loại 1	55.000	Giá bán lẻ
2	Cây xoài	loại 1	60.000	
3	Cây Na Thái	loại 1	55.000	
4	Cây Nhãn	loại 1	60.000	
5	Cây bưởi Diễn	loại 1	60.000	
6	Cây bưởi da xanh	loại 1	65.000	
7	Cây ổi Đài Loan	loại 1	65.000	
8	Cây chanh tứ quý, không hạt	loại 1	60.000	
	Lợn giống			
1	Lợn giống cỏ (7-8kg/con)		1.600.000	
2	Lợn giống siêu (7-8kg/con)		2.000.000	
	Vịt giống			
1	Siêu thịt Orvia		18.000	Giá bán lẻ
2	Vịt Cherry Valley		19.000	
3	Vịt Subơ trại		14.000	
4	Bầu cánh trắng		11.000	
	Ngan giống			
1	Ngan đực (1 ngày tuổi)		20.000	
2	Ngan cái (1 ngày tuổi)		11.000	
	Gà giống			
1	Gà ri thuần(1 ngày tuổi)	loại 1	13.000	
2	Gà ri lai (1 ngày tuổi)	loại 1	10.000	
3	Gà mía thuần (1 ngày tuổi)	loại 1	14.000	
4	Gà mía lai (1 ngày tuổi)	loại 1	12.000	
5	Lai chọi (1 ngày tuổi)	loại 1	10.000	
6	Đông tảo lai (1 ngày tuổi)	loại 1	27.000	
IV	**GIÁ THỨC ĂN CHĂN NUÔI**	% đạm		
1	T/a hỗn hợp cho vịt ngan 1-21 ngày(bao 25kg của hãng HAID)	19	340.000	Giá tại đại lý
2	Cám gà Lái Thiêu (bao 25 kg)	17	365.000	
3	Cám lợn CAREFEED (bao 25 kg)	17.5	370.000	
4	T/ ăn gà to siêu thịt C203- viên (CAREFEED (bao 25 kg)	18	340.000	
V	**GIÁ THUỐC THÚ Y**			
1	Hamogen(100ml)	Tiêm	50.000	Giá bán lẻ
2	Baytril(100ml)	Tiêm	515.000	
3	Hanmectin-100(lọ 50ml)	Tiêm	110.000	
4	Gentatylosin(1kg	Uống	520.000	
5	Vacxin Newcate liều 100		30.000	

Mẫu 02: Giá các mặt hàng thực phẩm tại các chợ đầu mối TP Hà Nội

Ngày 25 tháng 11 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Chợ Tứ Hiệp – Thanh Trì	Ghi chú
1	Thịt lợn hơi	loại 1	58.000	Giá bán lẻ
2	Thịt lợn mông sấn	loại 1	110.000	
3	Thịt lợn nạc thăn	loại 1	120.000	
4	Thịt lợn ba chỉ	loại 1	130.000	
5	Thịt bò thăn	loại 1	260.000	
6	Thịt bò mông	loại 1	250.000	
7	Gà ta hơi	loại 1	115.000	Gà trống
8	Gà ta nguyên con làm sẵn	loại 1	135.000	Giá bán lẻ
9	Gà công nghiệp hơi	loại 1	45.000	
10	Gà CN nguyên con làm sẵn	loại 1	68.000	
11	Vịt hơi bầu cánh trắng	loại 1	52.000	
12	Vịt nguyên con làm sẵn	loại 1	76.000	
13	Ngan hơi(đực)	loại 1	77.000	
14	Ngan (đực) nguyên con làm sẵn	loại 1	110.000	
15	Trứng gà các loại			
	Trứng gà ta (quả)	loại 1	4.500	
	Trứng gà Ai cập (quả)	loại 1	3.500	
	Trứng chim cút (10 quả)	loại 1	8.000	
16	Trứng vịt (quả)	loại 1	3.500	
17	Cá các loại			
	Cá chép > 2kg	loại 1	65.000	
	Cá trắm > 3kg	loại 1	65.000	
	Cá quả	loại 1	90.000	
18	Tôm, cua, cá các loại			
	Ngao(trắng)	loại 1	25.000	
	Ngao(hoa)	Loại 1	110.000	
	Tôm đồng	loại 1	230.000	
	Cua đồng(bóc sẵn)	loại 1	270.000	

Mẫu 03: Giá các mặt hàng hoa, rau, củ, quả tại các chợ đầu mối TP Hà Nội

Ngày 25 tháng 11 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Chợ Tứ Hiệp – Thanh Trì	Ghi chú
1	Cam sành (kg)	loại 1	35.000	
2	Dưa hấu MN(kg)	loại 1	30.000	
3	Vải	loại 1	Không có	
4	Chanh leo (kg)	loại 1	30.000	
5	Mận hậu (kg)	loại 1	Không có	
6	Măng cụt (kg)	loại 1	50.000	
7	Chôm chôm (kg)	loại 1	50.000	
8	Bơ (034) (kg)	loại 1	70.000	
9	Táo nhập khẩu (kg)	loại 1	140.000	
10	Nho xanh (kg)	loại 1	100.000	
11	Bưởi da xanh (kg)	loại 1	50.000	
12	Thanh long ruột đỏ (kg)	loại 1	50.000	
13	Quả roi (kg)	loại 1	60.000	
14	Na Miền Nam (kg)	loại 1	60.000	
15	Xoài cát chu (kg)	loại 1	45.000	
16	Hồng xiêm (kg)	loại 1	55.000	Bán lẻ
17	Nhãn Miền Nam (kg)	loại 1	50.000	
18	Khoai tây (kg)	loại 1	10.000	
19	Bí xanh (kg)	loại 1	10.000	
20	Rau bí (kg)	loại 1	25.000	
21	Bắp cải (kg)	loại 1	15.000	
22	Cà chua (kg)	loại 1	20.000	
23	Đậu cove (kg)	loại 1	18.000	
24	Cải cúc (kg)	loại 1	12.000	
25	Dưa chuột (kg)	loại 1	25.000	
26	Ngọn su su (kg)	loại 1	30.000	
27	Rau muống (kg)	loại 1	12.000	
28	Cải ngọt (bó xôi) (kg)	loại 1	15.000	
29	Hoa hồng đỏ (bông)	loại 1	5.000	
30	Hoa lily hồng (cành)	loại 1	32.000	
31	Hoa cúc vàng (bông)	loại 1	6.000	

Người thuập

Trương Ngọc Thịnh

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP

Đoàn Thị Nhung